

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Khanh
Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp 2, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Hồng T trình bày: Vào tháng 01/2011 qua mai mối, bà T và ông Nguyễn Hữu T1 quen biết tìm hiểu nhau và

tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được UBND xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/7/2017. Do mai mối, không tìm hiểu nhau trước khi cưới và hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/02/2012. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn A, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Khi kết hôn, gia đình chồng có cho một số nữ trang cưới nhưng vợ chồng bà đã bán hết để chi tiêu gia đình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 25/3/2022, nguyên đơn Nguyễn Hồng T có đơn xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 32/2022/TB-TLVA ngày 22/02/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 166/2022/TB-TA ngày 07/3/2022; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 305/2022/TB-TA ngày 25/3/2022; Thông báo số 311/2022/TB-TA ngày 25/3/2022 v/v có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (lần 1); Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 367/2022/TB-TA ngày 20/4/2022; Thông báo số 367/2022/TB-TA ngày 20/4/2022 v/v có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (lần 2); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2022 và giấy triệu tập xét xử lần 1; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng ông T1 không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Hồng T và bị đơn Nguyễn Hữu T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1 có nơi cư trú tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27/5/2022, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, ông Nguyễn Hữu T1 đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử vào ngày 13/5/2022 nhưng ông T1 vắng mặt không rõ lý do. Ngày 01/6/2022, ông T1 đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai bằng hình thức nhận trực tiếp nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn bà T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, bà T và ông T1 đăng ký kết hôn được UBND xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/7/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của bà T và ông T1: Theo lời khai của bà T, sau khi kết hôn do mai mối, không tìm hiểu nhau trước khi cưới và hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không đến Tòa án trình bày về tình trạng hôn nhân hiện nay và ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của bà T nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do giữa bà T và ông T1 đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/02/2012, hiện đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn A, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, hiện bà T đang làm công nhân tại Công ty T chuyên kinh doanh giày da tại Bình Dương thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác tại bản khai ngày 09/02/2022, cháu Nguyễn Tuấn A trình bày trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì yêu cầu được sống cùng mẹ là Nguyễn Hồng T. Hiện cháu đang đi học và sống cùng bà T, do đó để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/02/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hữu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/02/2012 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T và ông T1 chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tuấn A nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/02/2012 cho đến khi cháu Nguyễn Tuấn A đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hữu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/02/2012 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Hữu T1 chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tuấn A nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Hữu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012495 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Nguyễn Hồng T đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

7. Án xử công khai, bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Hữu T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Dương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy Quỳnh